

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn”, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp BC, xã TA, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp BC, xã TA, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị N chung sống với nhau từ năm 1985, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện D, có tổ chức lễ cưới, ngày cưới cho một số nữ trang nhưng hiện tại không còn do vợ chồng bán chi phí trong gia đình và sinh con. Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Chí T1, sinh ngày 08/11/1987 và Nguyễn Thị Tuyết Tr, sinh ngày 08/9/1999. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ông bà sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bà N luôn gây ra nợ nần ông phải bán tài sản để trả nợ cho bà N. Hiện tại ông và bà N vẫn sống chung nhà với nhau nhưng không ai quan tâm chăm sóc cho ai. Hiện tại ông thấy tình cảm giữa ông và bà N không còn, do đó ông yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Hiện tại 02 người con chung đã trưởng thành và có gia đình không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/5/2021 bà xác định chung sống với ông T vào năm 1985, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng, ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Chí T1, sinh ngày 08/11/1987 và Nguyễn Thị Tuyết Tr, sinh ngày 08/9/1999. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa bà và ông T do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Hiện tại bà và ông T vẫn sống chung nhà với nhau nhưng không ai quan tâm chăm sóc cho ai. Hiện tại bà thấy tình cảm giữa bà và ông T vẫn còn, do đó bà yêu cầu được đoàn tụ với ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bị đơn bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N chung sống với nhau vào năm 1985, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Ông T yêu cầu ly hôn, do bà N thường xuyên gây ra nợ nần, hơn nữa tình cảm giữa ông và bà N không còn luôn bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, ông bà sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Xét thấy, bà N đã được Tòa án ghi ý kiến của mình về việc chung sống với ông T, bà cho rằng còn tình cảm với ông T và xin được đoàn tụ với ông T nhưng bà không thể hiện thiện chí đoàn tụ và trong thời gian ly thân cả hai mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa ông T và bà N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Hiện tại 02 người con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông T và bà N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T đối với bà Nguyễn Thị N. Ông T được ly hôn với bà N..

2. Về con chung: Hiện tại 02 người con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông T và bà N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0045570 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng. Ông T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Quảng